

GS. NHẬT-THỊNH  
NGUYỄN-THỊ KHUẾ-GIUNG

Hiện nay, tại các nước Tây-phương, môn học anthroponymie đã trở nên quen thuộc hơn những bữa ăn hàng ngày, mục đích để tìm hiểu nguồn gốc tên người và các biệt-hiệu (pseudonyme). Riêng tại nước Pháp, không ai còn xa lạ các nhà khảo-cứu về nguồn gốc và tên người loại những ông Mabillon (1681), E.Salverte (1824), G.A.La Rogue (1901), P.Chapuy (1934). Nhưng tại Đông-phương, miền của những u-mặc trầm-lặng, môn học này chưa thấy được đề-cập tới sâu rộng.

Hay vì cái tục kiêng tên còn tồn tại, rơi rớt tại đây ? Tại nước ta kiêng tên là đọc chệch tên ra tiếng khác, không phát-âm theo tiếng phải kiêng. Con cháu sợ phạm tội bất kính nếu cứ sống sướng gọi tên ông bà, cha mẹ mỗi ngày như gọi tên những đồ vật.

Nếu chẳng may có tiếng nào không nói tránh được, kiêu cảnh là kiêng, thái là thói, hòa là huề, hồng là hường, bảo là biểu,... thì người ta vội thế vào những tiếng có nghĩa tương-tự. Cảnh gọi là riêu, (riêu cua, riêu cá), Học nói là tập (tập đọc, tập viết).

Chưa xong, người ta còn phải tránh né tên vua, vợ vua, cha ông họ nội, họ ngoại nhà vua đương-thời. Vì sùng kính những bậc hiền tài người ta đã gọi Bà Huyện Thanh-Quan, Tam-Nguyên Yên-Đô, Ôn Như-Hầu Trạng-Trình, Đức Thánh Trần... Những lối kiêng tên chính thức, dùng tên làng mạc, chức quan, khoa bảng, tước họ... để gọi đã không có tính cách ép bức, như lối kiêng tên các vua chúa.

Ngày xưa, hễ một ông vua nào lên ngôi là vội xuống chỉ dụ bắt buộc quan dân ai có tên trùng với những tên phải kiêng của hoàng-gia phải cấp thời thay đổi ngay, và trong các công văn phải viết khác đi những chữ trùng tên phải kiêng. Khắc khe nhất là triều Nguyễn (1802-1945), tới tên mấy ngôi mà vua cũng bị kiêng cấm. Năm 1832, Vua Minh-Mệnh còn đặt ra lệ bắt các chức quan trọng một tỉnh nếu có tên họ trùng nhau, viên chức nào kém phẩm trật nhất buộc phải đổi tên, bớt đi một chữ, đổi chữ khác, hay đổi ra tên đồng âm khác chữ, để tránh không bị lầm lộn.

Tuy-nhiên, cũng may cho các nhà văn, nhà thơ trong khi sáng tác đã không bị bó buộc áp-dụng lệ kiêng tên húy. (Lâm văn bất húy).

Thi hương và thi hội, ai phạm húy, không những bị đánh trượt, có khi còn bị tội nữa. Nhiều nhà nho xưa kia đã lận đận khoa cử, sinh ra bất đắc chí, nổi loạn kieu Cao-Bá-Quát chỉ vì tội phạm trường quy, hay nói khác đi, đã phạm húy.

Thu hẹp vần-dè trong phạm vi thôn xóm, tục kiêng tên đã có tính cách vĩnh-cửu. Biết tên nhau mà không tránh -- dù có vô tình là bất kính, khiếm nhã. Vì thế, những khi có xích mích, xung đột nhau, những kẻ thô bạo thường đem tên tục của đối phương ra để chửi bới. Chửi sôi lên sùng sục, nói theo bà văn Lê-Văn-Siêu thì : "Chửi cho đến đồ rau phải múa, chúa đất phải cười" Và cũng bởi cái thành kiến kiêng tên húy, cộng thêm cái óc nặng nề gai-cáp, người ta đã dùng chức-tước, danh-vị để gọi nhau. Người ta gọi Ông Tông, ông Chánh, ông Hương, bác Nhiêu, bác Xã, ông Lý và vợ những ông đó được gọi theo tên chồng. Ai góá chồng thì lấy tên con trai lớn để gọi. Bà Cả là người mẹ góá của anh Cả, và chị Cả là vợ anh Cả. Thậm chí, đến ngày nay, người ta vẫn còn dùng chức-tước để gọi nhau : ông Tông-Trưởng, ông Giám-Đốc, ông Chánh-Sở, ông Chủ-Sự, anh Gác-Dan...

Sự kiêng tên húy này đã ảnh-hưởng sâu sa tới cuộc sống gia đình. Có nhà vì kiêng tên củ, gọi cái ký khoai, kiêng tên bình, gọi tinh Thái-Bường, kiêng tên tám và vân, đánh tó tóm gọi cây tiêm vơ, kiêng tên hành gọi củ múa, kiêng tên dao gọi con diêu.

Tục kiêng tên húy này đã nảy sinh nhiều chuyện khôi hài. Chẳng hạn, như nhà nọ, có ông cụ tổ tên 'Canh', vì thế bao nhiêu tiếng canh đều tránh gọi là riêu hết. Thuốc teinture d'iode được đại chúng không biết tiếng Pháp gọi là aanh-ki-dốt. Nhà đó, bởi kiêng canh, phải gọi tránh đi riêu-ki-dốt. Tết đến, có khách tới chúc, chủ nhà đem rượu ra mời, khách đều từ chối là nồng, không quen dùng. Sau chủ nhà dành rót chén rượu 'quinquina' để mời :

- Năm mới có chén "riêu"-ki-na xin mời bác dùng tạm vậy.

Lầm khi, vì mê-tín dị-doan, người ta đã kiêng gọi tên một vài con vật. Con hổ có tên Ông Kênh, Ông Ba Mươi vì trong đạo thờ chư vị có thần Bạch-Hổ.

Mèo tha miếng thịt thì đòi  
Kênh tha con lợn, mắt coi trùng trùng.

Con Khi người ta gọi tránh con Tườu, con Bú-Dù, sợ kêu tên thật bị xui.

Kịp tới khi người Pháp sang đô hộ nước ta trong suốt 80 năm, để sau đó bị quân-đội của con cháu Thần-Nữ Thái-Dương đánh bại trong có một đêm, tục lệ này đã dần dần mai một. Vợ chồng đã dám gọi nhau bằng tên cái, tên cúng cõm của mỗi người, nghe thật dịu dàng, không còn như xưa kia, một bà vợ khi ra đồng gọi chồng về dùng cõm, bến lên :

- Đằng ấy về mà ăn cơm, trưa rồi.

Thì liền được trả lời từ đầu thủa ruộng mới vỡ :

- Đằng ấy cứ về trước đi, tôi sẽ thả trâu ngay.

Khi đã có con, họ không gọi nhau bằng "đằng" ấy nữa mà mượn tên đứa trẻ để gọi nhau : Bu con Cún, bố cái Dĩ...

### I. SỐ MẤY LOẠI TÊN :

Tên là một danh-từ để chỉ rõ từng cá-nhanh một cho dễ phân-biệt người nọ với người kia.

1/ Tên tục hay sước hiệu (sobriquet) là những danh từ chỉ tên, có một từ phụ đi kèm để khỏi làm lẩn hai, ba, bốn người cùng họ, cùng tên với nhau. Người Việt-Nam hầu như mỗi người đều có một, hai tên tục do mình hay người khác gán cho Vũ-Trọng-Phụng, từ hồi bé, đã có tên tục là Cu Tý; Nguyễn-Doãn-Vương, chủ-nhiệm Tân-Bắc chủ-nhật có tên Thằng Đen; Trần-Huyền-Trân ngày viết văn tối đi chiếu phim cho một hãng chiếu bóng, sống chui rúc trong một túp liều trên mặt hồ có tên tục Thằng Rốn. Nguyễn-Tuân có tên Tuân-Mũi-Tè vì mũi ông trông to thật. Phạm-Quỳnh tên tục là Kính Trắng Tiên-Sinh vì thời ấy ở Hà-Nội có mình ông mặc sa tay, đeo kính trắng gọng vàng; Nguyễn-Triệu-Luật tục gọi Phó-Cối vì tính ông cộc cằn, như Phó Cối thời xưa.

Sước hiệu, không phải cứ nhà văn mới có, trái lại, bất cứ giới nào trong xã-hội cũng đều có.

a. Ngày trước chưa có luật bắt buộc người ta sau khi sinh con bảy ngày phải khai sinh như bây giờ. Vì thế, trong khi chưa khai-sinh, người ta đã đặt tạm cho đứa trẻ một cái tên tục như Thằng Tèo, Cu Tý, Con Hổ, Dĩ Nhỏ, Gái Lớn...

b. Từ thuở nhỏ, người ta không dám đặt ngay cho con một cái tên nghiêm-chỉnh, bởi hầu hết đều khiêm-nhường, e ngại đặt cho chúng một cái tên mỹ miều, lớn lên, chúng không làm nên gì vể-vang mọi người sẽ mỉa mai, chê cười. Tú-Xương, nhà thơ non Cối sông Vị, vì thế, sau khi thi hỏng đã đổi Tế-Xương ra Cao-Xương. Yên-Đỗ thi hội lần đầu bị hỏng đã đổi Nguyễn-Văn-Thắng ra Nguyễn-Khuyển.

c. Khi sinh con, người ta tạm đặt cho nó một tên tục để còn tham khảo ý-khiến các nhà thám nho hầu chọn cho nó một cái tên hoặc theo đúng bộ với tên của dòng họ, như bộ mộc thì lấy tên : Quế, Tùng, Hồng, Mai, Đào... hoặc biết cách tránh những tên cản kiêng cũ...

2/ Tên bộ là tên có ghi trong sổ bộ của nhà nước, nói khác đi, tên có ghi trong giấy khai sinh. Loại tên này, ngày nay, hầu hết mọi người đều có. Nhà văn Đỗ-Quang-Bình, nhà thơ Vũ-Hoàng-Chương...

3/ Tên hèm hay tên thụy là thứ tên chọn đặt trong khi về già, dùng vào việc cúng quai, thờ phụng. Có người lúc sinh thời không kịp đặt cho mình tên thụy, đến khi nằm xuống, người nhà vội tìm tới các ông đồ, thầy cúng hay nhà chùa để xin đặt cho người chết một cái tên thụy. Người ta tin rằng hễ chết mà không có tên thụy viết lên bài vị, và mỗi khi cúng, không dùng tên thụy để khấn thì người chết sẽ không biết để về phổi hưởng.

So với các bậc công thần, nghĩa sĩ, tên thụy có một ý nghĩa khác. Sau khi họ mất đi, nhà vua ban cho họ một cái tên thụy để tỏ lòng ghi nhớ công-đức của người nằm xuống.

Hình thức này cũng như bây giờ Chính-phủ truy tặng bội tinh cho các bậc danh nhân, chiến sĩ đã có công với nước về một phương diện nào đó.

4/ Miếu hiệu là tên thụy dùng để chỉ các bậc vua chúa. Vua Gia-Lóng có công sáng-lập ra triều Nguyễn được dành miếu-hiệu Thế Tổ Cao Hoàng-Đế, vua Tự-Đức được tặng miếu-hiệu Đức Tôn Anh Hoàng-Đế.

5/ Tên đạo hay pháp danh là tên đặt ngay khi còn sống, lúc người ta xin qui y. Thượng-Tọa Đinh-Văn-Nam pháp-danh Thích-Minh-Châu, hiện giữ chức Viện Trưởng Viện Đại-Học Vạn-Hạnh, Thượng-Tọa Đăng-Phúc-Tuệ pháp danh Thích-Quảng-Độ, hiện là Giáo-sư dịch-giá của nhiều sách giá-trị, Đại-Đức Thích-Chơn-Hạnh pháp danh của Trần-Xuân-Kiêm đã một thời là Chủ-Tịch Sinh-Viên Huế, tham dự hầu hết các cuộc tranh đấu ...

Về phía công giáo thì có tên thánh khi làm lễ rửa tội. Đây là tên các vị thánh người Âu-Châu, nhiều người ngoại đạo thường làm cho rằng những người mang tên đó đã bắt chước người Pháp. Đó là trường hợp của nhà soạn tự điển Paulus Của tức Huỳnh-Tịnh-Của.

Thực ra, tên Tây hoàn toàn do cha mẹ hay chính người có tên tự đặt cho mình. Những tên này thường được cài lên trên tên thật.

6/ Tên húy hay tên cúng cõm là tên phải kiêng, phải tránh, Đó là tên các vua chúa, quan lớn cầm đầu một địa phương... hay nếu trong họ đã có người đặt tên như thế. Vì vậy ngày trước người

ta có tục kiêng tên, sợ lõi trùng với một vị quan địa-phương thì sẽ bị đòi hỏi, hạch sách, có khi còn bị tù tội vì quan cho rằng làm thế là ngạo mạn, có óc phản loạn. Cũng vì thế, không ai dám kêu tên thật các Vị có tên tuổi, khoa giáp, tước hiệu triều đình ban cho và các anh-hùng liệt sĩ.

7/ Tên tự là tên dựa vào tên chính của mình để đặt ra theo đúng kinh sách. Bởi vậy, nó thường là tiếng Hán-Việt và dựa vào một câu chữ Hán, hay một câu kinh sách nào có tiếng là hay.

Trần-Trọng-Kim tự Lệ-Thần do câu : "Nhược kim dụng nhũ tác lệ" đại khái "có công mài sắt có ngày nên kim". Bùi-Ký tự Ưu-Thiên do câu : "Kỷ-nhan ưu-thiên", có nghĩa "Người iết Ký thấy trời thấp quá, luôn luôn sợ trời sụp xuống". Đào-Trinh-Nhất tự Quán-Chi do câu : "Ngô đạo nhất dĩ quán chi" nghĩa là "đạo của ta chỉ có một, bao trùm tất cả".

8/ Tên hiệu hay bút hiệu là tên do chính mình hoặc cha mẹ lựa chọn cho, bao hàm một ý nghĩa nào đó hay nói lên sở-thích hoài bão, ý chí của mình, hay hơn nữa nói lên sự mơ ước, thích thú của mình.

Bút hiệu thường chỉ có người cầm bút thiêt thợ mới có. Nó trái với súoc-hiệu là bất cứ ai cũng có thể có, do tự mình hay do người khác đặt cho.

## II. PHÂN LOẠI CÁC BÚT HIỆU

Bút hiệu có nhiều lối đặt khác nhau, hoặc lấy tên núi sông, tên làng, tổng, phủ nơi mình ở mà đặt, hoặc thích cái gì thì lấy cái đó làm tên. Đó là lối đặt tên bắt chước người Trung-Hoa. Còn bắt chước người Pháp thì có cách bút mè ( anagramme )

### 1/ BÚT HIỆU BẮT NGUỒN TỪ ĐỊA DANH

Nguyễn-Khắc-Hiếu lấy bút hiệu Tân-Đà vì quê ông ở Sơn-Tây nơi có núi Tân sông Đà. Ngô Tất Tố quê ở Bắc-Ninh, có con sông Côi, bèn dùng bút hiệu Côi-Giang. Phạm-Quỳnh quê ở Lương-Đường (Hải-Dương) lấy bút hiệu Lương-Đường. Vũ-Hoàng-Chương lấy bút-hiệu Phù-Giang, vì sinh-quán ông ở làng Phù-Üng (Hưng-Yên). Tô-Hoài dùng bút hiệu đó bởi ông ở Bưởi, nhà trông ra sông Tô-Lịch. Ngô Hoan sinh ở Thanh-Hóa, lấy bút hiệu Thanh-Châu. Hồ-Khắc-Tráng lấy bút hiệu Hồng-Lam để nhắc nhớ tới một ngọn núi ở nơi quê-hương mình. Ký-gia Dương-Phượng-Dực cũng mượn tên ngọn núi Đông-Lĩnh ở nơi quê mình để làm bút hiệu. Nguyễn-Bính-Thinh lấy

bút hiệu An-Khê để kỷ-niệm trận đánh tại An-Khê, nơi ông đã tham chiến và bị thương ở tay phải. Đông Hồ lấy bút hiệu đó bởi tổ-tiên mây đời của ông đều ở ven Đông-Hồ ẩn-nguyệt (Hà-Tiên).

## 2/ BÚT HIỆU PHÁT-SINH TỪ MỘT NHÂN VẬT MÌNH ƯA THÍCH

Vũ-Trọng-Phụng lấy bút hiệu Thiên-Hư nhưng trong nhiều bài báo đã kích chè-độ thời đó, ông thường ký X.T.D. Đó là chữ tắt của Xuân-Tóc-Đô, tên một nhân-vật trong truyện dài 'Số Đô' của Ông. Gã từ một tên nhặt banh ở sân quần vợt, vì gặp may đã từ một gã lang-thang trở nên nổi tiếng. Bởi vậy, ông dùng ngay tên Xuân-Tóc-Đô làm bút-hiệu cho mình, ý nghĩ bất quá mình cũng chỉ là một thú Xuân-Tóc-Đô may được người ta biết tới. Hoàng Trọng-Miên, trái lại, đem ghép tên hai con làm bút-hiệu. Đó là cô Thu, người con gái đầu lòng của ông đã qua đời, và Đông, người con trai của ông sinh vào giữa mùa Đông. Bút hiệu của Ông, vì thế, hóa thành Hoàng-Thu-Đông. Đỗ-Hồng-Nghi lấy bút hiệu Trương Linh-Tử vì săn cám phục một nhân-vật người Trung-Hoa là Trương-Lương, nổi tiếng vì tiếng dịch thời Chiến-Quốc, biết nhập thể và xuất thể đúng lúc. Sau ông đổi lấy bút hiệu Hoàng-Lý vì thấy đời mình có lâm cam go, mà hoàng là hoàng-oanh, ly là con ly (long, ly, qui, phượng), hai giọng đó xuất hiện thì có thành nhân ra đời, hy-vọng đời mình sẽ tươi sáng hơn Phạm-Mạnh-Kha trên báo Việt-Báo lấy bút-hiệu Kinh-Kha vì cảm mến Kinh-Kha đời Tấn bên Tàu. Nhà phê-bình Lê-Sĩ-Qúi, khi viết tập "Phê-Bình Cảo-Luận" ký bút hiệu Thiếu Sơn, chỉ vì hồi nhớ ông thích một kếp hát tuồng tên gọi Thiếu-Sơn.

## 3/ BÚT HIỆU PHÁT XUẤT TỪ NHỮNG NGÔI SAO.

Đó là những ngôi sao trong tử vi mà các nhà văn, nhà thơ thường dùng làm bút hiệu cho mình. Nhà văn kiêm ký-giả Phạm-Văn-Giao lấy tên sao Thái-Bạch làm bút hiệu cho những bài nhận định văn-học. Nhà viết phóng sự Vũ-Trọng-Phụng lấy bút-hiệu Thiên-Hư cũng là tên một vì sao chiếu mệnh (Thiên-Hư, Thiên-Khốc).

## 4/ BÚT HIỆU NÀY SINH TỪ MỘT TRƯỜNG-HỢP CÁ-BIỆT.

Doãn-Kế-Thiện lấy bút hiệu Bất-Ác, vì chữ Hán bất ác nghĩa là không ác, thiện, mà tính ông thì hiền như bút, ai chọc giận thế-nào cũng chỉ toét miệng ra cười, không có một phản ứng gì giận hờn. Nguyễn-Văn-Cự, súcker hiệu Cự-Diép, bính bút của báo Liên-Hiệp, lấy bút-hiệu Khoa Chữ, bởi tính ông kín-dáo, dè dặt, không ai hiểu nổi con người ông ra sao. Bùi-Huy-Sinh lấy bút-hiệu

Địa-Quí, Thiên-Tinh, vì tính ông hay phá phách, châm chọc, không ai chịu nổi, có lẽ còn nhức buốt hơn ong đốt. Nguyễn-Nhu-Hoàn lấy bút hiệu Đinh-Dù bởi ông có vẻ dở dẩn. Tạ-Mạnh-Khai lấy bút-hiệu Cuồng-Sĩ, nghĩa là người cuồng nước Sở, nhưng tính ông lám khi cũng tỏ ra điên điên, khùng khùng bởi nghiện rượu và thuốc phiện. Bùi-Xuân-Học, chủ-nhiệm các báo Ngọ Báo, Việt Báo và Loa lấy bút hiệu Bùi-Soán-Ốc, vì tóc của ông soán chon ốc, trông không khác nào người Maroc. Thấy thế người ta gọi đứa ông là Bùi-Soán-Ốc. Tương kế tựu kế, ông dùng luôn hai chữ Soán-Ốc làm bút hiệu cho mình. Kịch tác gia Cao-Bá-Thao, nổi tiếng vì vở kịch thơ "Quán-Biên-Thùy" lấy bút hiệu Thao-Thao chỉ vì giọng ông khàn khàn như tiếng vịt đực, mất tiếng nhưng hẽ gắp ai cũng nói thao thao bất tuyệt, tưởng như không đút được.

### 5/ BÚT HIỆU BẤT NGƯỜI TỪ MỘT KỶ-NIỆM MỘT SỰ VIỆC

Nhà văn đường rừng Lan-Khai, khi rời bỏ Tuyên-Quang, về làm tờ báo Loa của ông Bùi-Xuân-Học đã ký bút hiệu Lan-Khai vì đó là cái tên của thân sinh ông đã đặt cho. Ông dùng bút hiệu đó, thay cho tên Nguyễn-Lan-Khai tự tốt để luôn luôn nhớ tới người đã sinh ra mình, và đã khuất. Đó cũng là trường-hop của ông Nguyễn-Hùng-Cường. Ông ký tên Hoàng-Sơn để ghi nhớ thân-phụ ông đã đặt cho ông cái bút hiệu đó. Nguyễn-Văn-Diển lấy bút hiệu Văn-Thu, đã nổi tiếng vì hai tiểu-thuyết "Đảng Hắc-Long" và "Hoa Châu Nghĩa-Sĩ", bởi hồi nhỏ người ta vẫn quen gọi ông là Thu lớn, để phân biệt với em ông là Thu con. Nhà Văn Lê-Văn-Trương lấy bút hiệu Cô Lý vì khi ông mới ở Nam về Bắc, bỏ nghề bán kim-cương để viết báo Trung-Bắc Tân-Văn, trong tòa soạn của ông có một cô tên Lý. Ông để ý cô này và muốn cho cô ta chú ý tới mình, ông

viết hai đàm (film du jour) ký tên Cô Lý. Bút hiệu đó người ta tưởng ông lấy để chơi, trong khi viết báo, không ngờ nó trở thành bút-hiệu thật, sau này ông sử-dụng mãi trên các báo :Hà-nội Tân-văn, Đông-phương tạp-chí, Nhật-Tân, Mới... Lưu-Trọng-Lư khi cộng tác với Tiểu-Thuyết Thủ Năm, lấy bút hiệu Lưu-Thần cũng trong một trường hợp tương tự. Bữa đó ông say rượu nhưng nhất định cho mình là một thú sâu rượu như Lý-Bach của Trung-Hoa, một thú trích tiên từ trên trời rơi xuống. Ông nghĩ đến Lưu-Thần, Nguyễn Triệu lên tiên, tự nhận mình là họ Lưu và lấy bút hiệu Lưu-Thần. Có khi ông còn ký Lưu-Kỳ-Linh cũng không ngoài cái tính thích say sưa nọ. Ký-gia Đô-Tràng-Đô lấy bút hiệu Anh-Đô trong một trường hợp ngẫu-nhiên. Hồi đó, ở Hà-Nội, ông thường hay đi hát xướng. Một bữa nọ ông cùng với Lê Tài Phúng và Lưu Trọng Lư đi xuống Khâm-Thiên hát à đào. Và trong một giây phút cao hứng, TVTS, 20

ông cầm trống chầu, làm một bài trường ca. Lê-Tài-Phúng tò vè thích-thú, vội lấy giấy bút ghi lấy, rồi hôm sau đem về tòa soạn giao cho thợ sáp chữ lên khuôn báo. Cuối cùng không thấy ghi tên tác-giả, thợ in hỏi lại, ông vội đáp :

- Cứ sáp Anh Độ.

Và cái tên Anh Độ này sinh từ đó để tồn tại mãi mãi trong văn-học-sử. Bác-sỹ Trần-Văn-Bằng lấy bút hiệu Bằng Văn chỉ vì ông mến nhà thơ Ngô-Bằng-Giục, bút tự Thùy-Thiên nghĩa là "con chim bằng vỗ cánh bay che cả trời" Bằng Văn có nghĩa tương-tự, ý ông muốn ví mình với con chim bằng lượn trên mây. Ông còn lấy bút hiệu Hồ-Thị, ý tự coi mình là cháu mười lăm đời của nữ sĩ phường Khán-Xuân. Lưu-Kiếm, bút hiệu của Hà-Bồng phát xuất từ một câu chuyện thật tầm thường. Ông di-cư ra hậu phương thời kỳ Việt-Pháp chiến tranh, một bữa nọ nghe thấy người ta kể chuyện làng của ông mới đổi tên là Lưu-Kiếm. Thế là ông lấy ngay cái tên Lưu-Kiếm làm bút hiệu cho mình. Sau này khi di-cư vào Nam, ông cộng tác với báo Tự-Do (bộ cũ), và làm bỉnh bút cho tờ Sáng-Dội Miền-Nam, hồi còn ông cố-vấn Ngô-Dinh-Nhu, người ta vẫn nghĩ rằng ông lấy bút hiệu đó để tự ví mình với một thanh kiếm chưa có chỗ sử-dụng, nói khác đi ông chưa có đất dụng võ.

#### 6/ BÚT HIỆU THEO LỐI BÚT MÊ CỦA NGƯỜI PHÁP

Đó là lối đảo lộn các chữ trong tên thật, người Pháp gọi là bút mê (anagramme). Trần-Khánh-Giư, cha đẻ của những tiểu-thuyết "Tiêu-Sơn Tráng-Sĩ", "Nửa Chừng Xuân", "Gánh Hàng Hoa"... lấy bút hiệu Khai-Hưng là ông đem những tự mau trong tên Trần-Khánh-Giư đảo lên đảo xuống. Nguyễn-Thú-Lễ lấy bút hiệu Thế-Lữ là do tiếng nói lái của Thế-Lữ đảo đi đảo lại. Vũ-Đình-Tường lấy bút hiệu Tương-Huyền vì Tương đánh dấu huyền là Tường. Lê Bá-lai lấy bút hiệu J.Leiba, cũng không ngoài tên Lê-Bá-lai đảo đi đảo lại. Đó cũng là trường hợp của nhà thơ Bàng-Bá-Lân lấy bút hiệu B.Blan. Ông viết tắt tên Bàng-Bá và chữ Lân bỏ dấu viết liền, làm như một tên Pháp vậy. Nguyễn-Tuân ngoài bút hiệu Nhất-Lang, còn một bút hiệu nữa ít ai biết tới : Âu-Nguyễn-Tu. Nó do sự đảo lộn của tên thật mà ra.

#### 7/ BÚT HIỆU DO SỰ BẮT CHƯỚC NHAU.

Nguyễn-Trọng-Thuật sau khi trúng giải văn-chương của Hội Khai-Trí Tiến-Đức về tập truyện "Quả Dưa Đỏ", người ta đã đua nhau bắt chước ông lấy bút hiệu có chữ Tứ. Bút hiệu của ông là Đà-Nam-Tứ, thì Lê Bá-lai vội lấy Thanh-Tùng-Tứ, Nguyễn-Văn-Lưu ký Thanh-Tứ.

Kíp tối khi có phong trào bắt chước người Nhật dùng bút hiệu có chữ Lang. Dương-Màu-Ngọc lấy Nhị-Lang, Vũ-Bình-Chí lấy Tam-Lang, Dương-Tự-Giáp lấy Thập-Lang, Đinh-Hùng lấy Hoài-Điép Thủ-Lang, Nguyễn-Tuân lấy Nhất-Lang...

Sau đó một thời gian, khi Nguyễn-Tường-Tam lấy bút hiệu Nhất-Linh, Trần-Khánh-Giu với lấy Nhị-Linh, Nguyễn-Tường-Long lấy Tứ-Linh. Họ bắt chước lấy giống nhau để tỏ ra người cùng một nhóm.

Tương tự loại này có những bút hiệu khởi đầu bằng chữ Tú đã một thời rất phồn thịnh trong làng văn làng báo, y hệt tình trạng những bút hiệu có những chữ Trạng, chữ Đồ, hay chữ Cử ngày nay. Trần-Tế-Xương lấy bút hiệu Tú-Xương, Hồ-Trọng-Hiếu lấy Tú Mỡ, Phạm Hậu lấy Tú-Đẹp, Trần-Đức-Uyển lấy Tú-Kieu, Phạm-Văn-Tươi lấy Tú-Xe (phiên-âm chữ Pháp "Tout sait", biết hết) Lê-Văn-Chính lấy Tú-Thịt...

#### 8/ BÚT HIỆU BẮT CHƯỞC BÚT HIỆU CỦA CÁC DANH NHÂN.

Dương-Màu-Ngọc lấy bút hiệu Nhị-Lang còn có ý muốn có tài như Dương-Tiễn tức Nhị-Lang thần hiển thánh. Lương Vũ-Bá lấy bút hiệu đó vì tưởng nhớ tới Lương-Sơn-Bá trong truyện "Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài"

#### 9/ BÚT HIỆU NGƯ Ý THƯƠNG NƯỚC YÊU NỘI.

Trong thời kỳ Pháp thuộc có một số nhà văn, nhà thơ, chợt nghĩ tới cảnh quốc phả gia phong đã tự chọn những bút hiệu nói lên được phần nào cái tâm trạng phản-uất nọ. Nhà thơ Trần-Văn-Lương lấy bút hiệu Việt-Quyên ý muốn ví mình với con chim quyên nước Việt. Ngô-Tát-Tố lấy bút hiệu Thực-Diều là ông muốn ví mình với con chim cuoc ngày đêm than khóc cảnh mất nước cho đến chết. Phan-Bội-Châu lấy bút-hiệu Sào-Nam có ý nhắc lại câu chữ Hán "Viết điêu sào nam chí" nghĩa là con chim Việt làm tổ trên cành cây Nam.

#### 10/ BÚT HIỆU PHÁT SINH TỪ THỜI CUỘC.

Trương-Linh-Tử khi viết báo Liên-Hiệp lấy bút hiệu Thánh Sống là ông muốn tỏ ra rằng những lời minh phát ngôn đều bắt nguồn từ sự thật. Người bình dân cũng có câu "nói vanh vách như thành sống" Nguyễn-Văn-Cư lấy bút hiệu Nguyễn-Tử vì thời đó mới bắt đầu có văn-de nguyên-tử, khởi đầu cho kỷ nguyên nguyên-tử đó là cái bút Bic người ta vẫn dùng ngày nay để viết, bây giờ nó tầm thường không có gì đáng để ý nhưng trước đây người ta đã tỏ ra lạ lùng vì thứ bút này. Bút gì không cần chấm mực, cứ tha hồ viết. Hiện nay ông Dương-Tấn-Trương lấy TVTS, 20

bút hiệu Tiêu Nguyên Tử ký dưới những bài "Gỗ Cười Hai Chữ Nhân Tình" trên báo Dân-Chung.

### II/ BÚT HIỆU ĐƯỢC VIỆT HÓA.

Trong thời kỳ người Nhật chiếm đóng bán đảo Đông Dương, và dưới thời ông Ngô-Đình-Diệm có nhiều người Việt-Nam mang quốc-tịch Pháp và một số người Pháp phải hồi tịch, phải đổi tên Việt-Nam để được tiếp tục hành nghề cũ. Trong số đó có René Candelier viết báo Việt-Nam lấy bút hiệu Chương-Đắc-Long, Boué Lahorgue lấy bút hiệu Lã-Hồng-Cơ. Antoine Vensel, tác-giả truyện dài "Con Ma Nhà Chủ Hỏa", lấy bút hiệu Văn-Sen.

Bút hiệu không phải bắt di bắt dịch, trái lại nó diễn ra dưới nhiều hình-thúc khác nhau và có thể thay đổi tùy theo phong trào. Ngô-Tất-Tổ dịch Kinh Dịch lấy tên thật làm bút hiệu khi viết bài chống Pháp lấy bút hiệu Thục-Điều, viết bài đàm (potin) đã kích những chướng tai gai mắt của xã-hội, lấy bút hiệu Ngô-Công. Mai-Đăng-Đệ viết luận thuyết lấy bút hiệu Tam-Hữu viết chuyên phiếm lấy bút-hiệu Đồ-Gàn hay lần thán tiên sinh. Phạm-Quỳnh viết xã thuyết (éditional) lấy tên thật làm bút hiệu dịch văn ký Thuỵng-Chi, khi tranh luận với ai thì lại lấy bút hiệu Lương-Dương hay Hồng-Nhân. Nguyễn-Đỗ-Mục khi dịch truyện ký tên thật, coi nó như bút hiệu, nhưng khi viết thời đàm ông lấy là Hif-Dinf Nguyễn-Văn-Tôi. Nguyễn-Văn-Vĩnh viết xã-luận lấy bút hiệu Phượng-Vũ, viết tranh luận lấy Tân-Nam-Tử, khi viết những bài có tính cách phụ-nữ lại ký bút hiệu Nguyễn-Thị-Đào, Phạm-Duy-Tốn viết ký sự hay truyện ngắn coi tên thật là bút hiệu nhưng khi viết truyện tiểu-lâm, ông ký là Thọ-An. Nguyễn-Sĩ-Tế đã ký tên thật trên những bài nhận định văn-học, những sách luận đề văn chương (dissertation littéraire) cho học sinh trung học, coi đó như một bút-hiệu của mình, nhưng khi viết những bài điểm sách trên tạp chí sáng-tạo, bút hiệu đó được ghi là Hàm-Thạch, và dưới những truyện ngắn, những bài thơ tự do, bút hiệu đó, một lần nữa được ký là Người Sông Thương.

Một nhà văn thường có vài bút-hiệu, tuy nhiên cũng có nhà văn có tới vài chục bút hiệu như Vũ-Bằng, trong khi một số khác lại không bao giờ sử-dụng tới bút-hiệu (...)

### III/ NHỮNG BÚT HIỆU ĐI VÀO VĂN-HỌC-SỰ.

Năm 1942, khi hai nhà văn Hoài-Thanh và Hoài-Chân viết tập 'THI-NHÂN VIỆT-NAM' có một sự việc làm các ông phải khổ công. Đó là trường hợp một số nhà thơ tên tuổi mà không ai hay biết tên thật của họ ra sao. Sơ sơ, người ta thấy có Ché-Lan-Viên, Thái-Can, Văn-Dài, Hằng-Phương, Mộng-Huyền...

Không cứ thời tiền chiến các nhà làm văn-nghệ vì có những bài có tính-cách đã kích người Pháp, bọn tham quan lại những hay những người chạy theo Pháp, sợ bị bắt bớ tù dày, họ phải ký bút hiệu, giấu không cho ai hay biết tên thật, nhưng sau những năm gần đây, vẫn có những văn-nghệ-sỹ đã tuyệt đối sử dụng bút hiệu. ít để cho ai hay biết tên thật của mình. Bút hiệu của họ, vì thế, đã đi sâu vào văn-học-sử, trong khi tên thật còn kín bưng chưa ai biết.

Về thời văn-chương cổ-diển, người ta thấy có Phạm-Thái, hiệu Đan-Phượng, tục gọi Chiêu-Lỳ, Hồ-Thị-Mai hiệu Hồ-Xuân-Hương Nguyễn-Thị-Hinh, hiệu Nhàn-Khánh, tục gọi Bà Huyện Thanh-Quan.

Đoàn-Thị-Diệm hiệu Hồng-Hà nữ-sĩ, Phan-Thanh-Gian hiệu Lương-Khê, Nguyễn-Văn-Siêu hiệu Phương-Đình, Đặng-Xuân-Bản hiệu Thiên-Đình. Nguyễn-Khuyễn hiệu Quế-Sơn, Dương-Khuê hiệu Văn-Tú, Trần-Tế-Xương hiệu Tú-Xương, Mạc-Đinh-Chí hiệu Tiết-Phu, Phan-Huy-Chú hiệu Mai-Pheng, Phan-Huy-Vinh hiệu Sài-Phong, Phạm-Đinh-Hồ hiệu Tùng-Hiên, Lê-Ngô-Cát hiệu Trung-Mai...

Tới các nhà văn thời tiền chiến có Vũ-Đinh-Chí hiệu Tam-Lang Vũ-Đặng-Bằng hiệu Tiêu-Liêu, Nguyễn-Đức-Long hiệu Thượng-Sĩ Vi-Huyền-Đắc hiệu Giới-Chí, Nguyễn-Sen hiệu Tô-Hoài, Hoàng-Minh Giám hiệu Chu-Thiên, Hoàng-Thúc-Trâm hiệu Hoa-Bằng, Trần-Tán-Cửu hiệu Trọng-Lang, Lê-Sĩ-Qúi hiệu Thiếu-Sơn, Nguyễn-Học-Sĩ hiệu Nam-Trần, Nguyễn-Đức-Phong hiệu Lan-Sơn, Ngô-Văn-Phát hiệu Tố-Phang và Thuần-Phong, Cấn-Huy-Tăng hiệu Anh-Huy, Tạ-Thành-Kính hiệu Thẩm-The-Hà, Trương-Văn-Hai hiệu Khổng-Dương, Ưng-Bình hiệu Thúc-Gia (Thi), Trần-Thanh-Lang hiệu Yến-Lang, Trần-Kim hiệu Trần-Huyền-Trần, Lưu-Trọng-Lư hiệu Lưu-Thần và Lưu-Kỳ-Linh, Quách-Tán hiệu Trường-Xuyên, Cù-Huy-Cận hiệu Huy-Cận, Lê-Quang-Lương hiệu Bích-Khê, Nguyễn-Tường-Sáu hiệu Thạch-Lam, Nguyễn-Tường-Long hiệu Hoàng-Đạo, Nguyễn-Tường-Tam hiệu Nhất-Linh, Trương-Ngọc-Tưu hiệu Trương-Tưu, Nguyễn-Đức-Nguyên hiệu Hoài-Thanh, Trần-Khánh-Giữ hiệu Khái-Hưng, Nguyễn-Huy-Giao hiệu Ngọc-Giao, Ngô-Văn-Triệu hiệu Trúc-Khê...

Cho đến các nhà văn, nhà thơ hiện đại một số tên thật vẫn còn nằm trong bóng tối của bí mật, trong khi bút hiệu của họ đã đi vào văn-học-sử. Đó là Võ-Thị-Diệu-Viên hiệu Linh-Bảo, Võ-Thị Hoài-Trinh hiệu Minh-Đức Hoài-Trinh, Nguyễn-Thị-Túy-Hồng hiệu Túy-Hồng, Trần-Thị Thu-Vân hiệu Trần-Thị-Nhã-Ca, Nguyễn-Thị-Hòa hiệu Thiếu-Mai, Nguyễn-Thị-Hoàng hiệu Hoàng-Đông-Phương Dương-Thị-Khánh hiệu Lê-Khánh, Nguyễn-Thị-Lợi hiệu Minh-Quân, Nguyễn-Thị-Mến hiệu Xuan-Nhã, Trần-Thị Gia-Minh hiệu Trần-Tuệ-Mai

Hoàng-Thị-Diệm-Phương hiệu Hoàng-Hương-Trang, Đào-Thị-Qúy hiệu  
 Qúy-Hương... Nguyễn-Đăng-Qúi hiệu Mai-Thảo, Tô Văn-Tuân hiệu  
 Bình-Nguyễn-Lộc và Phong-Ngạn, Phạm-Minh-Tài hiệu Sơn-Nam, Phi-  
 Ích-Nghiêm hiệu Dương-Nghiêm-Mậu và Phan-Nguyên, Đoàn-Tường hiệu  
 Lý-Hoàng-Phong, và Hoàng-Kim-Dân, Nguyễn-Hoạt hiệu Hiếu-Chân,  
 Lê-Mông-Ngân hiệu Tô-Kiều-Ngân, Đoàn-Thế-Nhơn hiệu Võ-Phiến,  
 Nguyễn-Sĩ-Tế hiệu Người Sông Thương và Hàm Thạch, Mai-Lan-Quế  
 hiệu Tam-Mộc, Lưu-Đức-Sinh hiệu Mặc-Thu, Trương-Bảo-Sơn hiệu  
 Bảo-Sơn, và Cảm-Bình, Vương-Hồng-Sển hiệu Anh-Vương, Văn Đường  
 và Đạt-Cô-Trai, Nguyễn-Văn-Tần hiệu Châm-Vũ, Nguyễn-Văn-Toán  
 hiệu Toan-Ánh, Phạm-Việt-Tuyên hiệu Thanh-Tuyên, Lưu-Ngọc-Thành  
 hiệu Thanh-Việt-Thanh, Nguyễn-Vỹ hiệu (Cô) Diệu-Huyền, Vũ-Mộng-  
 Long hiệu Duyên-Anh, Thương-Sinh..., Nguyễn-Mạnh-Côn hiệu Nguyễn  
 Kiên-Trung, Bằng-Vân-Hầu, Trần-Bích-Lan hiệu Nguyễn-Sa, Hu-Trúc  
 Lê-Hải-Vân, Cao-Thế-Dung hiệu Đan Hồ và Cao Vị Hoằng, Lê Nguyễn  
 Ngữ hiệu Vương-Tân, Hồ-Nam và Lê-Tây-Sơn, Nguyễn-Hải-Chí hiệu  
 Choé, Dinh Hiền hiệu Hǐm...

Vì thế, không mấy ai còn lạ gì về những trường hợp một nhà  
 văn, nhà thơ khi nằm xuống người ta mới biết được tên thuật của  
 họ ra sao. Nhà văn Y-Uyên, người đã đem chiến-tranh vào tác-phẩm  
 bằng một giọng điệu trầm tĩnh, lơ lửng, không có những hình ảnh  
 máu me, chết chóc, nhưng người ta đã thấy ngay khuôn mặt, chiến  
 tranh bàng bạc ở khắp nơi, nó như rình rập ở đâu và sẵn sàng cắn  
 xé nuốt trừng con người... làm cho đời người phải tan hoang, đau  
 xót, không ai biết tên thật ông là gì, thậm chí tới cuộc đời của  
 ông ra sao cũng không ai hay biết. Phai đợi tới khi ông động-viên  
 trường Bộ-Binh (Thủ-Đức), ra trường đi đóng đồn Nora, và tới một  
 bữa nọ ông đi phục-kích, ngã gục xuống bên bờ suối, bốn viền đạn  
 ghim sâu vào thân xác, người ta mới biết con người trẻ tuổi và  
 tài hoa đó không ai khác hơn Nguyễn-Văn-Uy ngày nào còn cầm phún  
 dạy học tại Tuy-Hòa.

Đó cũng là trường hợp của nhà thơ Trần-Nhu-Liên-Phương tức  
 Trung-Úy Trần-Văn-Trạch bỏ mình tại chiến-trường Chương-Thiện,  
 nhà văn Song Linh tức Thiếu-Tá thuộc binh chủng Thủ-Quân Lực-  
 Chiến Nguyễn-Văn-Nghiêm, người đã tham dự nhiều chiến trận dữ  
 dàn trên khắp bốn vùng chiến thuật, đã gục ngã tại chiến-trường  
 Kiến-An, Kiến-Phong ngày 24-1-1970.